

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂY HỒ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂY HỒ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3702795507

3. Ngày thành lập: 30/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 28, đường Trần Phú, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, dân dụng. Xây dựng trạm biến áp, xây dựng thủy lợi. Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, nhà xưởng	4299(Chính)
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp	7110
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Khoan giếng nước ngầm	4390
4.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khai thác nước	4322
5.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất	7410
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị dây truyền sản xuất	3320
7.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	2824
8.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: sản xuất thiết bị xây dựng (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	2392

Thời gian đăng từ ngày 30/07/2019 đến ngày 29/08/2019

9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị xây dựng. Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn đất sét (trừ hoạt động bên thủy nội địa)	4663
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị xây dựng	4659
11.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông - lâm sản, khoáng sản (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng)	4620
13.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán thủy sản	4632
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn máy, thiết bị, nguyên liệu thực phẩm chế biến. Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính)	4669
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hàng điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình	4649
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán hàng điện máy, điện tử, điện lạnh	4652
17.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ môi giới kết hôn, nhận cha mẹ con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và trừ đấu giá tài sản)	6820
18.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công đường dây và hệ thống điện. Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, chống sét	4321
19.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)	0810
20.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	1621
21.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	1622

23.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	2395
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	2511
25.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
26.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
27.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (Chỉ được rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	2591
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	2592
29.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định)	3100
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3312
31.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3315
32.	Sửa chữa thiết bị khác (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3319
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ quầy bar, vũ trường)	5621
37.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ quầy bar, vũ trường)	5629
38.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ phục vụ đồ uống khác (trừ quầy bar, vũ trường)	5630
39.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

40.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
41.	Quảng cáo	7310
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
43.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động; trừ xuất khẩu lao động)	7830
44.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
45.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
46.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
47.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
48.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	9524
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, chống sét	4329
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
52.	Khai thác gỗ (gỗ rừng trồng)	0220
53.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (gỗ rừng trồng)	0231
54.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3311
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu trữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi; lưu giữ than đá, phế liệu, hóa chất)	5210
56.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng giao thông	4212
57.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3314
58.	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ	73 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	0304793946	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000		
2	NGUYỄN THỊ HOA	20/36 Kỳ Đồng, Phường 09, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	160.000	1.600.000.000	8,000	022778872	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	160.000	1.600.000.000	8,000		

3	BÙI DUY PHƯƠNG	2.01 lô Ala Chung cư III Bùi Minh Trực, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	2,000	0820870002 89
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	2,000	
4	TRẦN THỊ HUYỀN	2/11 Lê Đức Thọ, Phường 7, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	160.000	1.600.000.000	8,000	0011750214 61
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	160.000	1.600.000.000	8,000	
5	TRƯƠNG THÀNH CƯ	Áp 7, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	2,000	380751691
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	2,000	

6	TRẦN THU MINH	42/44 Nguyễn Minh Hoàng, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	35,000	024818609	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THU MINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/10/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024818609

Ngày cấp: 26/09/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 42/44 Nguyễn Minh Hoàng, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 42/44 Nguyễn Minh Hoàng, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương